

Số: 116/2021/QĐST-HNGĐ

B, ngày 19 tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 222/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Lương Thị N, sinh năm 1982

- **Bị đơn:** Anh Hồ Quảng Đ, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Số nhà 06, ngõ 04, đường Lê A, phường Trần Nguyên H, thành phố B, tỉnh B.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2021;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo Đ xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị N và anh Hồ Quảng Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Lương Thị N nuôi con chung là Hồ Diệu H, sinh ngày 06/5/2007, Hồ Bảo C, sinh ngày 21/9/2012 và Hồ Ngọc L, sinh ngày 21/9/2012. Sau khi ly hôn, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lương Thị N và anh Hồ Quảng Đ thống nhất thỏa thuận: Anh Hồ Quảng Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 3 con chung, mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/ 1 con chung/ 1 tháng (tổng mức cấp dưỡng cho 3 con chung là 4.500.000đ/tháng). Thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/8/2021 (dương lịch) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Lương Thị N và anh Hồ Quảng Đ Nga tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lương Thị N chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Nga đã nộp theo biên lai số AA/2018/0002548 ngày 09/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận chị Nga đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm, án phí giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- CCTHADS TP. B;
- VKS TP. B;
- Các đương sự;
- UBND phường Tam Phước, tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (ĐKKH ngày 30/01/2007)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Triệu Thị Luyện

